

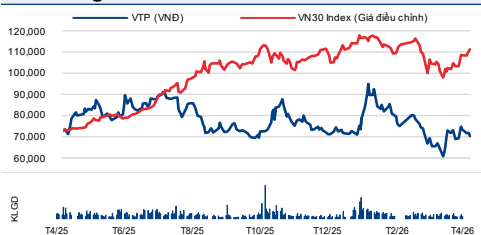
Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VND77,755
Tiềm năng tăng/giảm: 10.6%

Giá cổ phiếu (đồng) (16/4/2026)	70,300
Mã Bloomberg	VTP VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	60,761-94,819
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	71,500
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	11,638
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	442
Slg CP lưu hành (tr.đv)	166
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	59.7
Slg CP NN được mua (tr.đv)	51.8
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	6.49%
Tỷ lệ freefloat	0%
Cổ đông lớn	TĐ Viettel (60.8%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	20,847	22,482	24,648
EBITDA đc (tỷ đồng)	561	723	892
LNTT (tỷ đồng)	514	572	683
LNT ĐC (tỷ đồng)	283	326	400
FCF (tỷ đồng)	228	140	87.2
EPS ĐC (đồng)	1,712	1,970	2,418
DPS (đồng)	1,103	1,103	1,471
BVPS (đồng)	10,681	11,548	12,495
T.trưởng EBITDA (%)	24.5	28.9	23.4
T.trưởng EPS ĐC (%)	5.70	11.9	19.4
Tăng trưởng DPS (%)	38.8	0	33.3
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	2.69	3.21	3.62
Tỷ suất LNTT (%)	2.47	2.54	2.77
Tỷ suất LNT ĐC (%)	1.94	2.02	2.19
Tỷ lệ LN trả CT (%)	45.1	40.3	45.0
Nợ thuần/VCSH (%)	86.6	87.6	92.5
ROAE (%)	24.1	24.6	27.2
ROACE (%)	24.8	23.5	25.4
EV/doanh thu (lần)	0.63	0.59	0.55
EV/EBITDA ĐC (lần)	23.4	18.4	15.2
P/E ĐC (lần)	41.1	35.7	29.1
P/B (lần)	6.58	6.09	5.63
Lợi suất cổ tức (%)	1.57	1.57	2.09

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

VTP là doanh nghiệp chuyển phát đứng thứ hai về doanh thu tại Vietnam và đang chuyển mình thành doanh nghiệp logistics. VTP là thành viên của Tập đoàn Viettel - tập đoàn viễn thông lớn nhất tại Việt Nam.

Chuyên viên phân tích

Trần Thị Thu Nga, CFA
Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp & nga.tttthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Võ Thị Ngọc Hân, CFA
Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Buổi gặp gỡ chuyên viên phân tích: Kế hoạch LNTT năm 2026 đi ngang

- Vào sáng ngày 16/4, VTP đã tổ chức buổi gặp gỡ các chuyên viên phân tích năm 2026, công bố kế hoạch HĐKD với doanh thu thuần đạt 19,5 nghìn tỷ đồng (giảm 6%) và LNTT đạt 515 tỷ đồng (đi ngang), tương đương 87% và 90% dự báo của HSC.
- Mặc dù kế hoạch năm 2026 tương đối kém tích cực nhưng VTP cho thấy tham vọng lớn hơn trong trung hạn với mục tiêu LNTT đạt 2-2,5 nghìn tỷ đồng vào năm 2030, tương đương tăng trưởng với tốc độ CAGR 5 năm đạt 31-37%.
- Trong Q1/2026, doanh thu HĐKD cốt lõi tăng 33,7% so với cùng kỳ đạt 3,8 nghìn tỷ đồng. Lợi nhuận thuần chưa được công bố nhưng nhiều khả năng ở mức thấp do chi phí nhiên liệu tăng mạnh.
- HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu 77.755đ (tiềm năng tăng giá 11%).

Sự kiện: Buổi gặp gỡ chuyên viên phân tích ngày 16/4

Vào sáng ngày 16/4, VTP đã tổ chức buổi gặp gỡ chuyên viên phân tích cho năm 2026 với các điểm chính như sau.

Kế hoạch LNTT năm 2026 đạt 515 tỷ đồng, đi ngang

VTP đã công bố kế hoạch HĐKD năm 2026 với doanh thu thuần đạt 19,5 nghìn tỷ đồng (giảm 6%) và LNTT đạt 515 tỷ đồng (đi ngang). Các chỉ tiêu này tương đương 87% và 90% dự báo của HSC và được đánh giá là khá thận trọng. Chúng tôi lưu ý một số điểm sau:

- Mức giảm của kế hoạch doanh thu chủ yếu do VTP thu hẹp doanh thu thuê ngoài từ Viettel Telecom (công ty viễn thông nội địa của Viettel, chưa niêm yết; VTP được thuê để vận hành mạng lưới của hàng cho Viettel Telecom). Trong khi đó, doanh thu HĐKD cốt lõi được kỳ vọng tăng trưởng mạnh trên 30%, sát với dự báo của chúng tôi.
- Đối với LNTT, kế hoạch thận trọng phản ánh (i) kế hoạch tăng lương cho người lao động nhằm duy trì lực lượng lao động ổn định và chất lượng, nhất là trong bối cảnh biến động hiện nay, và (ii) chi phí khấu hao và chi phí lãi vay ở mức cao do nhu cầu chi đầu tư lớn.

Một số động lực tăng trưởng

Một số khoản đầu tư lớn trong năm nay bao gồm (i) trung tâm logistics 14 ha tại Hưng Yên (tổng vốn đầu tư 1,5 nghìn tỷ đồng, dự kiến bắt đầu hoạt động trong Q4/2026), (ii) 230 xe tải hạng nặng (dự kiến đưa vào vận hành trong Q3/2026) và (iii) mạng lưới Smartbox (tăng lên 5.000 điểm dịch vụ vào cuối năm 2026 và 10.000 điểm vào cuối năm 2030, từ mức hiện tại là 1.000 điểm). Đối với mạng lưới tủ giao nhận hàng thông minh Smartbox, bên cạnh việc tự đầu tư, VTP cũng sẽ huy động thêm nguồn lực xã hội thông qua việc kêu gọi nhà đầu tư tham gia.

Đáng chú ý, VTP kỳ vọng tổng sản lượng bưu kiện tại Việt Nam sẽ tăng gấp đôi vào năm 2030 (tương đương CAGR 5 năm đạt 15% trong giai đoạn 2025-2030). Do đó, việc đầu tư vào hạ tầng logistics là yếu tố then chốt để đáp ứng mức tăng trưởng sản lượng mạnh này.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 17/4.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Kế hoạch kinh doanh năm 2026, VTP

VTP đặt kế hoạch lợi nhuận thuần năm 2026 đạt 400 tỷ đồng

Tỷ đồng	2025	Kế hoạch 2026	Tăng trưởng	Dự báo 2026	Tăng trưởng	% dự báo của HSC
Doanh thu thuần	20,847	19,520	-6.4%	22,482	7.8%	86.8%
LNTT	514	515	0.1%	572	11.1%	90.1%

Nguồn: VTP, HSC

Q1/2026: Doanh thu HĐKD cốt lõi tăng 33,7%

Trong Q1/2026, doanh thu HĐKD cốt lõi (tức doanh thu từ mảng chuyển phát và mảng logistics) tăng 33,7% so với cùng kỳ đạt 3,8 nghìn tỷ đồng. Lợi nhuận thuần chưa được công bố chi tiết, tuy nhiên BLĐ cho biết kết quả không đạt kế hoạch do cú sốc bên ngoài từ việc chi phí đầu vào tăng mạnh. Đáng chú ý, giá dầu diesel đã tăng hơn gấp đôi trong tháng 3/2026 so với mức trước chiến sự. Với khoảng 90% đội xe gồm 5.000 xe tải của VTP sử dụng dầu diesel, đà tăng mạnh này của giá nhiên liệu nhiều khả năng sẽ gây áp lực đáng kể lên tỷ suất lợi nhuận.

VTP đã phản ứng bằng cách áp dụng phụ phí nhiên liệu đối với toàn bộ dịch vụ (mức 10% từ ngày 16/3, sau đó điều chỉnh lên 15% từ ngày 6/4 và giảm xuống 12% từ ngày 14/4). Trong khi đó, giá dầu diesel đã giảm khoảng 30% từ mức đỉnh trong tháng 3/2026 xuống còn 31.000đ/lít. Theo đó, HSC kỳ vọng tác động tiêu cực sẽ giảm đáng kể trong tháng 4/2026 và KQKD Q2/2026 sẽ cải thiện.

Kế hoạch 5 năm đầy tham vọng

VTP cũng công bố kế hoạch doanh thu thuần đạt 65-80 nghìn tỷ đồng và LNTT đạt 2-2,5 nghìn tỷ đồng vào năm 2030, tương đương tốc độ CAGR 5 năm đạt 26-31% đối với doanh thu thuần và 31-37% đối với LNTT trong giai đoạn 2025-2030. Các mục tiêu khá tham vọng này được xây dựng dựa trên tăng trưởng mạnh của các mảng hiện hữu cũng như mở rộng các mảng kinh doanh mới.

Trong giai đoạn 5 năm này (2026-2030), HĐKD cốt lõi của VTP sẽ được xây dựng trên 5 trụ cột gồm: (i) chuyển phát, (ii) kho bãi, (iii) vận tải, (iv) thương mại & dịch vụ, và (v) logistics quốc tế; trong đó 3 mảng đầu là các hoạt động hiện hữu trong khi 2 mảng sau là các lĩnh vực tương đối mới.

Trong năm 2025, mảng chuyển phát chiếm khoảng 80% tổng doanh thu HĐKD cốt lõi trong khi kho bãi và vận tải chiếm 15% và hai mảng mới chỉ chiếm 5%. Đến năm 2030, mảng chuyển phát dự kiến sẽ chiếm 45% tổng doanh thu HĐKD cốt lõi, kho bãi chiếm 20%, vận tải chiếm 12% và 23% còn lại đến từ hai mảng kinh doanh mới.

Điều này cho thấy BLĐ đang đặt kế hoạch tăng trưởng khá tham vọng với CAGR doanh thu 5 năm đạt 23-28% đối với mảng chuyển phát, 61-67% đối với kho bãi và vận tải, và 87-95% đối với mảng thương mại và logistics quốc tế.

Duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng, giá mục tiêu và dự báo

Sau khi giá cổ phiếu tăng 7% trong 1 tháng qua nhưng vẫn giảm 22% trong 3 tháng qua, VTP đang giao dịch với EV/EBITDA điều chỉnh trượt dự phóng 1 năm là 15,3 lần, thấp hơn 0,3 độ lệch chuẩn so với bình quân từ năm 2021 ở mức 17,2 lần. HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng, giá mục tiêu 77.755đ (tiềm năng tăng giá 11%) và giữ nguyên dự báo. Chúng tôi hiện dự báo lợi nhuận thuần năm 2026 đạt 453 tỷ đồng (tăng trưởng 12%) và năm 2027 đạt 541 tỷ đồng (tăng trưởng 19%).

Bảng 2: Kế hoạch 5 năm, VTP

BLĐ đặt kế hoạch 5 năm đầy tham vọng với CAGR 5 năm ở mức 26-31% đối với doanh thu thuần và 31-37% đối với lợi nhuận thuần

Tỷ đồng	2030			CAGR 5 năm	
	2025A	Kịch bản cơ sở	Kịch bản tích cực	Kịch bản cơ sở	Kịch bản tích cực
Doanh thu thuần	20,847	65,000	80,000	26%	31%
LNTT	514	2,000	2,500	31%	37%

Nguồn: VTP

Bảng 3: Kế hoạch cho từng mảng kinh doanh, VTP

CARG 5 năm đạt 23-28% đối với mảng chuyển phát, 61-67% đối với mảng kho bãi & vận tải, và 87-95% cho 2 mảng kinh doanh mới

Nghìn tỷ đồng	2030			CAGR 5 năm	
	2025A	Kịch bản cơ sở	Kịch bản tích cực	Kịch bản cơ sở	Kịch bản tích cực
Tổng doanh thu cốt lõi	13	65	80	38%	44%
Chuyển phát	10	29	36	23%	28%
Kho bãi & vận tải	2	21	26	61%	67%
Thương mại & Logistics quốc tế	1	15	18	87%	95%
% tỷ trọng					
Chuyển phát	80%	45%	45%		
Kho bãi & vận tải	15%	32%	32%		
Thương mại & Logistics quốc tế	5%	23%	23%		

Nguồn: VTP

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	20,735	20,847	22,482	24,648	27,566
Lợi nhuận gộp	1,005	1,137	1,282	1,521	1,843
Chi phí BH&QL	(554)	(639)	(692)	(778)	(895)
Thu nhập khác	1.43	10.6	1.53	1.66	1.85
Chi phí khác	(0.85)	(16.3)	(0.91)	(0.99)	(1.10)
EBIT	452	493	591	744	949
Lãi vay thuần	31.2	21.5	(19.2)	(61.4)	(85.2)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	-	-	-	-	-
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	483	514	572	683	864
Chi phí thuế TNDN	(100)	(110)	(119)	(142)	(179)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	383	405	453	541	685
Lợi nhuận thuần ĐC	248	283	326	400	520
EBITDA ĐC	450	561	723	892	1,126
EPS (đồng)	2,314	2,446	2,736	3,268	4,136
EPS ĐC (đồng)	1,500	1,712	1,970	2,418	3,143
DPS (đồng)	795	1,103	1,103	1,471	1,839
Slg CP bình quân (triệu đv)	166	166	166	166	166
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	166	166	166	166	166
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	166	166	166	166	166
Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	390	350	612	731	789
Đầu tư ngắn hạn	1,430	2,093	1,799	1,972	2,205
Phải thu khách hàng	2,157	2,663	2,878	3,106	3,418
Hàng tồn kho	279	153	180	197	221
Các tài sản ngắn hạn khác	472	441	450	493	551
Tổng tài sản ngắn hạn	4,728	5,698	5,917	6,498	7,184
TSCĐ hữu hình	691	989	1,529	1,771	1,993
TSCĐ vô hình	53.7	72.9	65.8	58.3	50.4
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	75.0	41.6	44.8	49.2	55.0
Đầu tư vào Cty LD,LK	30.0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	785	727	825	905	1,012
Tổng tài sản dài hạn	1,635	1,831	2,465	2,783	3,110
Tổng cộng tài sản	6,364	7,529	8,382	9,281	10,294
Nợ ngắn hạn	1,376	1,364	1,461	1,602	1,654
Phải trả người bán	661	857	899	986	1,103
Nợ ngắn hạn khác	2,513	2,818	3,078	3,371	3,766
Tổng nợ ngắn hạn	4,676	5,238	5,639	6,163	6,731
Nợ dài hạn	72.5	487	792	1,007	1,232
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	-	-	-	-	-
Nợ dài hạn khác	26.5	35.9	38.7	42.5	47.5
Tổng nợ dài hạn	99.0	523	831	1,050	1,279
Tổng nợ phải trả	4,775	5,761	6,470	7,213	8,010
Vốn chủ sở hữu	1,588	1,768	1,912	2,068	2,284
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	1,588	1,768	1,912	2,068	2,284
Tổng nợ phải trả và VCSH	6,364	7,529	8,382	9,281	10,294
BVPS (đ)	9,595	10,681	11,548	12,495	13,799
Nợ thuần/(tiền mặt)	1,058	1,501	1,642	1,879	2,097

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	452	493	591	744	949
Khấu hao	(133)	(189)	(259)	(288)	(341)
Lãi vay thuần	31.2	21.5	(19.2)	(61.4)	(85.2)
Thuế TNDN đã nộp	(127)	(104)	(119)	(142)	(179)
Thay đổi vốn lưu động	(407)	427	(200)	(159)	(219)
Khác	(129)	(172)	547	79.6	107
LCT thuần từ HKKD	(131)	759	931	610	750
Đầu tư TS dài hạn	(374)	(530)	(791)	(523)	(556)
Góp vốn & đầu tư	(1,124)	(2,814)	0	0	0
Thanh lý	1,435	2,182	0	0	0
Khác	130	90.8	(101)	(83.8)	(113)
LCT thuần từ HĐĐT	68.2	(1,072)	(893)	(606)	(669)
Cổ tức trả cho CSH	(180)	(132)	(183)	(244)	(304)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(263)	403	403	356	276
Khác	0	0	2.82	3.73	5.03
LCT thuần từ HĐTC	(443)	271	223	116	(23.0)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	-	-	-	-	-
LCT thuần trong kỳ	(506)	(41.8)	262	119	58.2
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.92	2.10	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	(505)	(39.7)	262	119	58.2
Dòng tiền tự do	(505)	228	140	87.2	194
Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	4.85	5.46	5.70	6.17	6.69
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	2.17	2.69	3.21	3.62	4.09
Tỷ suất LNT (%)	1.85	1.94	2.02	2.19	2.48
Thuế TNDN hiện hành (%)	20.7	21.3	20.7	20.7	20.7
Tăng trưởng doanh thu (%)	5.86	0.54	7.84	9.64	11.8
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	30.9	24.5	28.9	23.4	26.3
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	7.27	14.2	15.1	22.7	30.0
Tăng trưởng EPS (%)	0.05	5.70	11.9	19.4	26.6
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	7.27	14.2	15.1	22.7	30.0
Tăng trưởng DPS (%)	(27.9)	38.8	0	33.3	25.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	34.4	45.1	40.3	45.0	44.5
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	24.1	24.1	24.6	27.2	31.5
ROACE (%)	27.2	24.8	23.5	25.4	28.4
Vòng quay tài sản (lần)	3.24	3.00	2.83	2.79	2.82
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	(0.29)	1.54	1.58	0.82	0.79
Số ngày tồn kho	5.17	2.83	3.10	3.11	3.13
Số ngày phải thu	39.9	49.3	49.5	49.0	48.5
Số ngày phải trả	12.2	15.9	15.5	15.6	15.6
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	66.9	86.6	87.6	92.5	93.5
Nợ/tài sản (%)	22.8	25.0	27.3	28.5	28.4
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	30.7	12.1	11.1
Nợ/EBITDA (lần)	2.48	2.76	2.69	2.56	2.27
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.01	1.09	1.05	1.05	1.07
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.61	0.63	0.59	0.55	0.50
EV/EBITDA ĐC (lần)	28.2	23.4	18.4	15.2	12.2
P/E (lần)	30.4	28.7	25.7	21.5	17.0
P/E ĐC (lần)	46.9	41.1	35.7	29.1	22.4
P/B (lần)	7.33	6.58	6.09	5.63	5.09
Lợi suất cổ tức (%)	1.13	1.57	1.57	2.09	2.62

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn